

QUYẾT ĐỊNH
Công bố và xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của cơ quan nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 35/TTr-STTTT ngày 21/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Các Sở, ban, ngành:

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	162,08	1
2	Sở Thông tin và Truyền thông	157,08	2
3	Sở Tài chính	136,91	3

TT	Đơn vị	Tổng điểm	Xếp hạng
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	133,37	4
5	Sở Ngoại vụ	131,5	5
6	Sở Y tế	130,39	6
7	Sở Lao động, Thương Binh và Xã Hội	130,05	7
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	128,04	8
9	Sở Xây dựng	127,99	9
10	Sở Khoa học và Công nghệ	127,6	10
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	127,00	11
12	Sở Nội vụ	124,98	12
13	Sở Tư pháp	122,96	13
14	Thanh tra tỉnh	120,84	14
15	Sở Công Thương	115,5	15
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	114,02	16
17	Sở Giao thông vận tải	110,03	17
18	Ban Dân tộc	107,34	18

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

TT	Tên huyện	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Tổng điểm	Xếp hạng
1	UBND huyện Krông Pắc	153,97	69,31	57,94	281,22	1
2	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	139,19	49,09	74,48	262,76	2
3	UBND huyện Ea H'leo	134,78	49,33	46,46	230,57	3
4	UBND huyện Krông Năng	127,78	48,9	46,86	223,54	4
5	UBND huyện Ea Kar	122,6	41,92	37,79	202,31	5

TT	Tên huyện	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Tổng điểm	Xếp hạng
6	UBND huyện Cư M'gar	115,75	35,15	31,17	182,07	6
7	UBND huyện Krông Bông	101,01	20,08	38,92	159,99	7
8	UBND huyện Buôn Đôn	88,4	27,86	27,97	144,23	8
9	UBND huyện Krông Ana	86,17	20,00	30,16	136,33	9
10	UBND huyện Cư Kuin	98,53	15,58	17,56	131,67	10
11	UBND Thị xã Buôn Hồ	100,12	19,00	11,2	130,32	11
12	UBND huyện Ea Súp	85,84	17,85	23,46	127,15	12
13	UBND huyện Lắk	94,67	20,5	8,28	123,45	13
14	UBND huyện Krông Búk	69,93	10,00	19,46	99,39	14
15	UBND huyện M'Drắk	-	-	-	-	15

(Chi tiết Kết quả Chỉ số Chuyển đổi số năm 2021 của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Căn cứ điểm và xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số năm 2021, các sở, ban, ngành, UBND các huyện thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, cải thiện Chỉ số chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương ở những năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TTTT (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CCHC của tỉnh (Sở Nội vụ);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Nh-10b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số: 1026 /QĐ-UBND ngày 04/ 5 /2022 của UBND tỉnh)

PHẦN THỨ NHẤT
TỔNG QUAN CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐẮK LẮK

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (DTI) là cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển, chuyển đổi số của tỉnh.

- Tạo điều kiện để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi chỉ số, các tiêu chí thành phần về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; đồng thời, xây dựng các chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bộ chỉ số chuyển đổi số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Bộ chỉ số chuyển đổi số tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Bộ chỉ số chuyển đổi số nhằm hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong quá trình áp dụng, triển khai chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị.

- Sử dụng thống nhất hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ, phục vụ cho việc thu thập, cập nhật số liệu và xác định các chỉ số chuyển đổi số. Đồng thời, tăng cường sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn trong quá trình đánh giá chuyển đổi số.

3. Quá trình xây dựng Bộ chỉ số

- Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Quốc gia”; tháng 7/2021, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia góp ý kiến.

- Ngày 06/8/2021, Sở Thông tin và Truyền thông có Tờ trình số 74/TTr-STTTT đề nghị UBND tỉnh xem xét ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk để đánh giá chỉ số chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị năm 2020; đồng thời làm nền tảng để rút kinh nghiệm, hoàn thiện Bộ chỉ số khi có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá trong các năm

tiếp theo.

- Ngày 01/9/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2425/QĐ-UBND về Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk.

4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Thu thập, tổng hợp theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01/9/2021.

b) Đối tượng áp dụng:

- 18 sở, ban, ngành (gọi chung cấp sở):

- + Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Sở Xây dựng.
- + Sở Thông tin và Truyền thông.
- + Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- + Sở Giao thông vận tải.
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- + Sở Giáo dục và Đào tạo.
- + Sở Khoa học và Công nghệ.
- + Sở Tài chính.
- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Sở Tư pháp.
- + Sở Ngoại vụ.
- + Sở Y tế.
- + Sở Công Thương.
- + Sở Nội vụ.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường.
- + Thanh tra tỉnh.
- + Ban Dân tộc tỉnh.

- 15 UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

II. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ

1. Chỉ số chuyển đổi số cấp Sở

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số chuyển đổi số cấp sở: Có 01 trụ cột chính là Chính quyền số, bao gồm 06 nhóm chỉ số thành phần, mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí và tiêu chí con.

- Chỉ số đánh giá về chuyên đổi nhận thức.
- Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế.
- Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số.
- Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số.
- Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng.
- Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực.

b) Thang điểm đánh giá đối với Chỉ số chuyên đổi số cấp sở là 180 điểm, trong đó:

- Chỉ số đánh giá về chuyên đổi nhận thức: 27 điểm.
- Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 22 điểm.
- Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 9 điểm.
- Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số: 55 điểm.
- Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng: 35 điểm.
- Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực: 32 điểm.

2. Chỉ số chuyên đổi số của UBND cấp huyện

a) Bộ chỉ số chuyên đổi số cấp huyện: Có 03 trụ cột chính là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

- Mỗi trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số có 07 nhóm chỉ số thành phần, mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí con.

- + Chỉ số đánh giá về chuyên đổi nhận thức.
- + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế.
- + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số.
- + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số.
- + Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số.
- + Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng.
- + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực.

b) Thang điểm đánh giá đối với Chỉ số chuyên đổi số cấp huyện là 420 điểm, trong đó:

- Trụ cột Chính quyền số là 200 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyên đổi nhận thức: 32 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 27 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 19 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 8 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số: 57 điểm.

- + Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng: 25 điểm.
- + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực: 32 điểm.
- Trụ cột Kinh tế số là 95 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 25 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 18 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 8 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 12 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động kinh tế số: 29 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực kinh tế số: 3 điểm.
- Trụ cột Xã hội số là 125 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 25 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 24 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 10 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 10 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động xã hội số: 19 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về an toàn an ninh mạng: 15 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực xã hội số: 22 điểm.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CHUYÊN ĐỔI SỐ

1. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, xếp hạng

- Việc đánh giá chuyên đổi số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng chuyên đổi số của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm đánh giá.

- Cho phép cơ quan, đơn vị tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung đánh giá.

2. Phương pháp đánh giá và cho điểm

- Việc đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyên đổi số được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các nội dung đánh giá.

- Thời gian của việc đánh giá, xếp hạng được thực hiện trong cả năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cách tính điểm đối với các nội dung như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa cho các Sở, ban, ngành	Điểm tối đa cho UBND các huyện, thị xã, thành phố
I	Trụ cột Chính quyền số		
1	Chuyển đổi nhận thức	27	32
2	Kiến tạo thể chế	22	27
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	9	19
4	Thông tin và dữ liệu số	-	8
5	Hoạt động chính quyền số	55	57
6	An toàn, an ninh mạng	35	25
7	Đào tạo và phát triển nhân lực	32	32
Tổng điểm		180	200
II	Trụ cột Kinh tế số		
1	Chuyển đổi nhận thức về Kinh tế số	-	25
2	Kiến tạo thể chế	-	18
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	-	8
4	Thông tin và dữ liệu số	-	12
5	Hoạt động kinh tế số	-	29
6	Đào tạo và phát triển nhân lực kinh tế số	-	3
Tổng điểm		-	95
III	Trụ cột Xã hội số		
1	Chuyển đổi nhận thức về xã hội số	-	25
2	Kiến tạo thể chế	-	24
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	-	10
4	Thông tin và dữ liệu số	-	10
5	Hoạt động xã hội số	-	19
6	An toàn, an ninh mạng	-	15

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa cho các Sở, ban, ngành	Điểm tối đa cho UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Đào tạo và phát triển nhân lực xã hội số	-	22
Tổng điểm		-	125

Cách tính điểm chi tiết từng nội dung của các sở, ban, ngành được trình bày tại Phụ lục IA; các huyện, thị xã, thành phố được trình bày tại Phụ lục IIA Quyết định số 2425/QĐ-UBND UBND tỉnh.

3. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện căn cứ vào số điểm của từng cơ quan để xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp.

- Thực hiện xếp hạng tổng thể chỉ số chuyển đổi số với 02 nhóm cơ quan bao gồm:

+ Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành.

+ Xếp hạng chỉ chuyển đổi số các UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Quá trình thu thập và xử lý số liệu

a) Thu thập số liệu

Kết quả có: 14/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo (01 đơn vị không báo cáo UBND huyện M'Drăk); 18/18 sở, ban, ngành báo cáo.

b) Đánh giá sơ bộ về số liệu thu được

Quá trình xây dựng Bộ chỉ số chuyển đổi số, có thể nói là rất công phu, nghiêm túc, nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi, trao đổi thẳng thắn, lắng nghe và tiếp thu một cách hết sức cầu thị. Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng hoàn thiện Phần mềm đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk tại địa chỉ <https://dti.daklak.gov.vn> (Hệ thống DTI) để đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk. Việc đánh giá Chỉ số chuyển đổi số theo Quyết định số 2425/QĐ-UBND được thực hiện trên Hệ thống DTI để thay thế hình thức báo cáo bằng văn bản giấy.

Tuy nhiên, qua thẩm định kết quả báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống DTI, Sở Thông tin và Truyền thông thấy vẫn còn phổ biến một số sai sót trong quá trình nhập liệu và tổng hợp số liệu điều tra như số liệu không hợp lý, nhập liệu chưa đúng theo yêu cầu, không có sự gắn kết số liệu của các chỉ số, các số liệu ước đoán, không chính xác, không có kèm tài liệu kiểm chứng...

c) Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh số liệu

Sau khi kiểm tra, phát hiện sự thiếu hụt hoặc sự không hợp lý của số liệu, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh tiến hành các công việc sau:

- Đăng nhập vào Hệ thống DTI yêu cầu tới cơ quan, đơn vị đề nghị bổ sung, chỉnh sửa báo cáo lại số liệu.

- Thông qua các nguồn thông tin chính thức như: Kiểm tra thực tế tại một số cơ quan, đơn vị; Các báo cáo định kỳ hằng năm của UBND các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành... để bổ sung, hiệu đính số liệu.

d) Công tác chấm điểm

- Từ ngày 04/3/2021 tới ngày 17/3/2021, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đánh giá độc lập điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị, địa phương qua Hệ thống DTI.

- Từ ngày 04/4/2022 đến ngày 10/4/2022, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh thực hiện thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh việc đánh giá độc lập của Sở Thông tin và Truyền thông đối với điểm các cơ quan, đơn vị tự đánh giá qua Hệ thống DTI.

PHẦN THỨ HAI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
VÀ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2021

I. CHỈ SỐ TỔNG HỢP CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

Bảng 1: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành năm 2021

STT	Đơn vị	Tổng điểm
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	162,08
2	Sở Thông tin và Truyền thông	157,08
3	Sở Tài chính	136,91
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	133,37
5	Sở Ngoại vụ	131,5
6	Sở Y tế	130,39
7	Sở Lao động, Thương Binh và Xã Hội	130,05
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	128,04
9	Sở Xây dựng	127,99
10	Sở Khoa học và Công nghệ	127,6
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	127,00
12	Sở Nội vụ	124,98
13	Sở Tư pháp	122,96
14	Thanh tra tỉnh	120,84
15	Sở Công thương	115,5
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	114,02
17	Sở Giao thông vận tải	110,03
18	Ban Dân tộc	107,34
Giá trị trung bình		128,20

II. CHỈ SỐ TỔNG HỢP UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Bảng 2: Bảng điểm đánh giá chuyển đổi số của UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2021.

TT	Tên huyện	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Tổng điểm
1	UBND huyện Krông Pắc	153,97	69,31	57,94	281,22
2	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	139,19	49,09	74,48	262,76
3	UBND huyện Ea H'leo	134,78	49,33	46,46	230,57
4	UBND huyện Krông Năng	127,78	48,9	46,86	223,54
5	UBND huyện Ea Kar	122,6	41,92	37,79	202,31
6	UBND huyện Cư M'gar	115,75	35,15	31,17	182,07
7	UBND huyện Krông Bông	101,01	20,08	38,92	159,99
8	UBND huyện Buôn Đôn	88,4	27,86	27,97	144,23
9	UBND huyện Krông Ana	86,17	20,00	30,16	136,33
10	UBND huyện Cư Kuin	98,53	15,58	17,56	131,67
11	UBND thị Xã Buôn Hồ	100,12	19,00	11,2	130,32
12	UBND huyện Ea Súp	85,84	17,85	23,46	127,15
13	UBND huyện Lắk	94,67	20,5	8,28	123,45
14	UBND huyện Krông Búk	69,93	10,00	19,46	99,39
15	UBND huyện M'Drắk	-	-	-	-
Giá trị trung bình		101,25	29,64	30,42	162,33

PHẦN THỨ BA

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

- Năm 2021, là năm thứ hai tỉnh Đắk Lắk triển khai thực hiện đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, nhà nước thuộc tỉnh cũng là năm bắt đầu triển khai, trải nghiệm về chuyển đổi số trong bối cảnh đại dịch. Do các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều kinh nghiệm triển khai; đặc biệt là nhận thức về vai trò, ý nghĩa của chỉ số đánh giá trong quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn vị.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc bước đầu thực hiện triển khai hoạt động Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Thể hiện ở giá trị trung bình đạt 128,20 điểm cấp Sở và 162,33 điểm cấp huyện.

- Năm 2021 cũng là năm thứ hai UBND huyện M'Drắk không thực hiện nghiêm việc báo cáo số liệu chuyển đổi số trên Hệ thống DTI, điều này cho thấy công tác chuyển đổi số chưa được Lãnh đạo UBND huyện M'Drắk quan tâm. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện M'Drắk chỉ đạo kiểm tra, xử lý, báo cáo nguyên nhân và hướng khắc phục việc triển khai báo cáo số liệu chuyển đổi số tại địa phương gửi về UBND tỉnh **trước ngày 15/5/2022**.

2. Đối với các sở, ban, ngành

Kết quả xác định chỉ số chuyển đổi số cho thấy các sở, ban, ngành tập trung vào 3 nhóm điểm sau:

- Nhóm thứ nhất đạt trên 160 điểm: có 01 đơn vị là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cũng là đơn vị có điểm cao nhất về Chỉ số đánh giá chuyển đổi số đạt 162,08 điểm.

- Nhóm thứ hai kết quả từ 140 điểm đến 160 điểm là Sở Thông tin và Truyền thông với 157,08 điểm.

- Nhóm thứ ba kết quả dưới 140 điểm có 16 đơn vị gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp; Sở Ngoại vụ; Sở Y tế; Sở Công Thương; Sở Nội vụ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc tỉnh. Đặc biệt, năm 2021 không có đơn vị dưới 100 điểm.

- Điểm số trung bình chỉ số đánh giá chuyển đổi số năm 2021 của 3 đơn vị đứng đầu (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính) là 152.02 điểm so với 3 đơn vị thấp điểm (Ban Dân tộc, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường) là 110.46 điểm. Chênh lệch

giữa hai nhóm đứng đầu và nhóm đứng cuối là 41.56 điểm cho thấy khoảng cách khá xa giữa hai nhóm này.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

Tại cấp huyện chỉ số chuyển đổi số được thực hiện ở 03 trụ cột gồm: Chính quyền số; Kinh tế số và Xã hội số.

- Trụ cột Chính quyền số:

+ Nhóm đạt số điểm trên 130 điểm có 03 đơn vị gồm UBND các huyện: Krông Pắc, Ea H'leo, thành phố Buôn Ma Thuột; có điểm trung bình là 142,64 điểm.

+ Nhóm đạt số điểm từ 100 đến dưới 130 điểm có 05 đơn vị gồm UBND các huyện: Krông Năng, Ea Kar, Cư M'gar, Krông Bông và UBND thị xã Buôn Hồ; có điểm trung bình là 113,45 điểm.

+ Nhóm đạt số điểm dưới 100 điểm, có 06 đơn vị gồm UBND các huyện: Cư Kuin, Lắk, Buôn Đôn, Krông Ana, Ea Súp, Krông Búk; có điểm trung bình là 87,26 điểm.

- Trụ cột Kinh tế số:

+ Nhóm có số điểm trên 60 điểm có 01 đơn vị là UBND huyện Krông Pắc với số điểm là 69,31 điểm.

+ Nhóm có số điểm từ 40 điểm đến 50 điểm, có 4 đơn vị gồm UBND thành phố Buôn Ma Thuột và UBND các huyện: Ea H'leo, Krông Năng, Ea Kar; có điểm trung bình là 47.31 điểm.

+ Nhóm có số điểm từ 20 đến dưới 40 điểm, có 05 đơn vị gồm UBND các huyện: Cư M'gar, Buôn Đôn, Lắk, Krông Bông, Krông Ana; có điểm trung bình là 24,72 điểm.

+ Nhóm có số điểm dưới 20 điểm, có 04 đơn vị gồm UBND thị xã Buôn Hồ và UBND các huyện: Ea Súp, Cư Kuin, Krông Búk; có điểm trung bình là 15,61 điểm

- Trụ cột Xã hội số:

+ Nhóm có số điểm trên 50 điểm, có 02 đơn vị gồm UBND thành phố Buôn Ma Thuột và UBND huyện Krông Pắc; có điểm trung bình là 66,21 điểm.

+ Nhóm có số điểm từ 40 điểm đến 50 điểm, có 01 đơn vị là UBND huyện Ea H'leo đạt 46,46 điểm.

+ Nhóm có điểm từ 30 điểm đến 40 điểm, có 05 đơn vị gồm UBND các huyện: Krông Bông, Ea Kar, Krông Năng, Cư M'gar, Krông Ana; có điểm trung bình là 33,89 điểm.

+ Nhóm có số điểm dưới 20 điểm, có 06 đơn vị gồm UBND thị xã Buôn Hồ và UBND các huyện: Buôn Đôn, Ea Súp, Krông Búk, Cư Kuin, Lắk; có điểm trung bình là 17,98 điểm.

II. KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIẠN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định chỉ số đánh giá chuyển đổi số các năm tiếp theo được tốt hơn, phát huy vai trò tích cực của chỉ số chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; UBND tỉnh yêu cầu Thủ tướng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành việc triển khai Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án “Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh năm 2022; Kế hoạch số 15/KH-BCĐCĐS ngày 28/01/2022 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk về hoạt động năm 2022.

2. Tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2022 trong phạm vi đơn vị mình để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc chuyển đổi số ngành và lĩnh vực. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả đánh giá chuyển đổi số năm 2021 để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc cải thiện nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết để phát huy những tiêu chí có điểm số cao, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những tiêu chí đạt điểm thấp.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk; nâng cao hiệu quả hiệu lực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp./.